

Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng ngày 23-6-1983. Nhân hiệu bao bì xuất khẩu về nguyên tắc phải được đăng ký cấp Nhà nước. Phải nâng cao trình độ mỹ thuật và kỹ thuật bao bì, từng bước thống nhất nhân hiệu. Cấm xuất khẩu những mặt hàng mang nhân hiệu chưa đăng ký và lạm dụng nhân hiệu của tổ chức khác. Trường hợp phải dùng nhân hiệu bao bì theo yêu cầu của khách nước ngoài, thì phải được xác nhận của Bộ Ngoại thương để thông báo cho Hải quan biết.

### 5. Về nhập khẩu.

Đề bảo đảm cho ngành Thủy sản đầu tư tái sản xuất mở rộng, các đơn vị, địa phương cần có kế hoạch nhập vật tư và một số hàng tiêu dùng thiết yếu phục vụ cho sản xuất của ngành Thủy sản và đời sống ngư dân.

Về tỷ lệ nhập hàng tiêu dùng, văn bản số 466 - V2 quy định: «đồng ý cho ngành Thủy sản (thông qua Seaprodex) áp dụng tỷ lệ theo quy định chung, không quá 30% tổng số hàng nhập, kể cả các mặt hàng cao cấp ngư dân có yêu cầu; trường hợp ngành Nội thương, Ngoại thương có số hàng tiêu dùng này, nếu đồng ý bán lại thì ngành Thủy sản sẽ mua bằng ngoại tệ theo giá nhập (không lấy lãi). Nếu không có và còn thiếu thì ngành Thủy sản được nhập cho đủ».

Công ty Xuất khẩu thủy sản có trách nhiệm bàn bạc với các địa phương, đơn vị trong việc nhập vật tư và một số hàng tiêu dùng thiết yếu để cung ứng kịp thời phục vụ cho sản xuất, đời sống ngư dân. Các địa phương và đơn vị sản xuất kinh doanh cần chú ý vào nhu cầu tư liệu sản xuất và hàng tiêu dùng thiết yếu cho ngành Thủy sản thuộc phạm vi mình quản lý lập kế hoạch nhập khẩu chung của địa phương và ngành đề trình Nhà nước duyệt.

### 6. Thời điểm thi hành:

Thông tư này có hiệu lực thi hành từ ngày 1 tháng 5 năm 1987. Những quy định trước đây trái với Thông tư này đều bãi bỏ.

K. T. Bộ trưởng  
Bộ Ngoại thương  
Thứ trưởng  
ĐINH PHÚ ĐỊNH

K. T. Bộ trưởng  
Bộ Thủy sản  
Thứ trưởng  
VÕ VĂN TRÁC

### BỘ TÀI CHÍNH

**QUYẾT ĐỊNH số 101-TC/ĐT ngày 20-3-1987 ban hành Chế độ quản lý vốn đầu tư xây dựng cơ bản.**

### BỘ TRƯỞNG BỘ TÀI CHÍNH

Căn cứ Nghị định số 61-CP ngày 29-3-1974 của Hội đồng Chính phủ ban hành Điều lệ tổ chức và hoạt động của Bộ Tài chính;

Căn cứ Quyết định số 90-CP ngày 18-4-1978 của Hội đồng Chính phủ và Nghị định số 132-HĐBT ngày 13-8-1982 của Hội đồng Bộ trưởng về việc sửa đổi tổ chức bộ máy của Bộ Tài chính;

Căn cứ Nghị định số 232-CP ngày 6-6-1981 của Hội đồng Chính phủ ban hành Điều lệ quản lý xây dựng cơ bản;

Căn cứ Quyết định số 76-HĐBT ngày 26-6-1986 của Hội đồng Bộ trưởng ban hành quy định tạm thời về quyền tự chủ tài chính của các đơn vị kinh tế cơ sở và giao nhiệm vụ cho Bộ Tài chính ban hành

Chế độ quản lý vốn đầu tư xây dựng cơ bản; và cơ chế kinh doanh xã hội chủ nghĩa quản lý Nhà nước của Ngân hàng để bảo đảm quyền tự chủ sản xuất kinh doanh của đơn vị kinh tế cơ sở,

### QUYẾT ĐỊNH :

Điều 1. — Nay ban hành Chế độ quản lý vốn đầu tư xây dựng cơ bản kèm theo Quyết định này, áp dụng thống nhất trong cả nước, trong tất cả các ngành, các cấp, các đơn vị cơ sở thuộc khu vực kinh tế quốc doanh.

Điều 2. — Chế độ quản lý vốn đầu tư xây dựng cơ bản này được áp dụng từ ngày 1-4-1987. Các quy định về quản lý vốn đầu tư xây dựng cơ bản trước đây trái với chế độ này đều bãi bỏ.

Điều 3. — Các Bộ, Tổng cục, Ủy ban Nhà nước, các cơ quan khác thuộc Hội đồng Bộ trưởng, các cơ quan Đảng và đoàn thể, Ủy ban Nhân dân các tỉnh, thành phố, đặc khu trực thuộc Trung ương có trách nhiệm thực hiện và tổ chức hướng dẫn, kiểm tra việc thực hiện Chế độ quản lý vốn đầu tư xây dựng cơ bản trong các đơn vị thuộc phạm vi mình quản lý.

K.T. Bộ trưởng Bộ Tài chính

Thứ trưởng

HỒ TẾ

### I. NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. — Chế độ quản lý vốn đầu tư xây dựng cơ bản nhằm mở rộng và bảo đảm quyền tự chủ, chủ động về nguồn vốn, sử dụng vốn đầu tư xây dựng cơ bản của các đơn vị kinh tế cơ sở; thực hiện đầy đủ chức năng của tài chính trong việc cấp phát vốn và tăng cường vai trò kiểm tra, kiểm soát của Ngân hàng đầu tư và xây dựng trong quá trình cấp vốn thanh toán (thay cơ quan tài chính) hoặc cho vay thanh toán đối với chủ đầu tư. Các chủ đầu tư được ngân sách cấp phát, Ngân hàng cho vay vốn hoặc sử dụng nguồn vốn tự có về đầu tư xây dựng cơ bản có trách nhiệm quản lý và sử dụng vốn đúng mục đích, đúng kế hoạch được duyệt và bảo đảm hiệu quả kinh tế cao.

Điều 2. — Việc cấp phát hoặc cho vay vốn đầu tư xây dựng cơ bản chỉ được thực hiện cho những công trình được duyệt và có đầy đủ các kế hoạch chuẩn bị đầu tư, kế hoạch giá trị khối lượng đầu tư xây dựng cơ bản (dưới đây gọi là kế hoạch đầu tư xây dựng cơ bản) và kế hoạch vốn cấp phát hoặc cho vay vốn đầu tư xây dựng cơ bản để thanh toán sản phẩm xây dựng cơ bản hoàn thành (dưới đây gọi tắt là kế hoạch cấp phát hoặc cho vay vốn đầu tư) đã được duyệt. Việc cấp phát, cho vay thanh toán vốn đầu tư xây dựng cơ bản cho các công trình dù thi công theo phương thức giao nhận thầu hay tự tổ chức thi công (tự làm) chỉ được thực hiện khi có sản phẩm xây dựng cơ bản hoàn thành và phải bảo đảm mối quan hệ hợp lý đã quy định giữa giá trị và hiện vật.

Điều 3. — Hàng năm căn cứ vào kế hoạch đầu tư xây dựng cơ bản và kế hoạch cấp phát hoặc cho vay vốn đầu tư đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt, các cơ quan Tài chính, Ngân hàng đầu tư và xây dựng và chủ đầu tư phải bố trí huy động đầy đủ các nguồn vốn

### CHẾ ĐỘ quản lý vốn đầu tư xây dựng cơ bản

(Ban hành kèm theo Quyết định số 01-TC/ĐT ngày 20-3-1987 của Bộ Tài chính).

(Ngân sách, tín dụng, tự có...) để bảo đảm việc cấp phát, cho vay, thanh toán sản phẩm xây dựng cơ bản hoàn thành kịp thời theo tiến độ đã thực hiện trong kế hoạch đầu tư xây dựng cơ bản được duyệt.

**Điều 4.** — Căn cứ vào kế hoạch đầu tư và kế hoạch cấp phát hoặc cho vay vốn đầu tư xây dựng cơ bản năm kế hoạch được duyệt, việc cấp vốn thanh toán hoặc cho vay vốn thanh toán được thực hiện như sau:

— Đối với công trình thuộc ngân sách đầu tư, cơ quan tài chính thông báo kế hoạch cấp phát vốn cho cơ quan chủ quản đề thông báo cho chủ đầu tư đối với từng công trình; đồng thời căn cứ vào tiến độ thực hiện kế hoạch đề cấp phát vốn cho chủ đầu tư thông qua Ngân hàng đầu tư và xây dựng; Ngân hàng đầu tư và xây dựng thay mặt cơ quan tài chính cấp vốn thanh toán sản phẩm xây dựng cơ bản hoàn thành cho đơn vị.

— Đối với công trình tín dụng đầu tư, Ngân hàng đầu tư và xây dựng thông báo kế hoạch cho vay vốn cho cơ quan chủ quản đề thông báo cho chủ đầu tư; đồng thời căn cứ vào tiến độ thực hiện kế hoạch đề cho vay thanh toán sản phẩm xây dựng cơ bản hoàn thành.

— Đối với công trình đầu tư bằng vốn tự có, Ngân hàng đầu tư và xây dựng căn cứ vào kế hoạch đơn vị được duyệt đề cấp vốn thanh toán sản phẩm xây dựng cơ bản hoàn thành theo tiến độ thực hiện kế hoạch, đúng với chế độ quy định của Nhà nước, theo yêu cầu của thủ trưởng đơn vị.

Ngân hàng đầu tư và xây dựng thực hiện việc cấp phát, cho vay và thanh toán sản phẩm xây dựng cơ bản hoàn thành được đầy đủ, kịp thời, thuận tiện, đúng chế độ, theo kế hoạch cấp phát vốn đầu tư của Bộ trưởng Bộ Tài chính hoặc cho vay vốn của Tổng Giám đốc Ngân hàng Nhà nước. Đồng thời chịu trách nhiệm với cơ quan tài chính, chủ đầu tư (đối với công trình thuộc diện đầu tư bằng vốn tự có) về việc cấp phát, cho vay và thanh toán vốn đầu tư xây dựng cơ bản và quyết toán vốn với cơ quan tài chính.

## II. NGUỒN VỐN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG CƠ BẢN VÀ PHẠM VI SỬ DỤNG NGUỒN VỐN

### A. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản.

**Điều 5.** — Nguồn vốn Ngân sách Nhà nước (ngân sách Trung ương và ngân sách địa phương) phân phối sử dụng cho đầu tư xây dựng cơ bản là một phần thu nhập quốc dân sản xuất trong nước tập trung vào ngân sách, phần vốn khấu hao cơ bản tập trung vào ngân sách vốn dự trữ được huy động và đại bộ phận vốn vay nợ và viện trợ từ nước ngoài.

**Điều 6.** — Nguồn vốn tự có về đầu tư xây dựng cơ bản của các tổ chức sản xuất, kinh doanh là một phần hoặc toàn bộ vốn khấu hao tài sản cố định, một phần quỹ khuyến khích phát triển sản xuất và quỹ phúc lợi.

**Điều 7.** — Nguồn vốn tín dụng đầu tư của Ngân hàng đầu tư và xây dựng là số thu hồi nợ đã cho vay đầu tư xây dựng cơ bản gia tăng số dư nợ tiền gửi vốn tự có

09679334

www.ThuVienPhapLuat.com

về đầu tư xây dựng cơ bản của các tổ chức sản xuất, kinh doanh; số dư tiết kiệm dài hạn, vốn vay tín dụng nước ngoài, nguồn khác do Ngân hàng đầu tư và xây dựng huy động để đầu tư và vốn được Ngân sách Nhà nước cấp bổ sung nguồn vốn tín dụng đầu tư (nếu có).

**Điều 8.** — Nguồn vốn huy động trong nhân dân là tiền vốn và giá trị vật tư, công lao động do nhân dân đóng góp vào việc xây dựng cơ bản.

### **B. Phạm vi sử dụng của từng loại nguồn vốn đầu tư.**

**Điều 9.** — Các công trình sau đây được đầu tư bằng nguồn vốn Ngân sách Nhà nước:

— Các công trình thiết bị toàn bộ do Chính phủ vay nợ và nhận viện trợ của nước ngoài;

— Các công trình sản xuất, kinh doanh được xây dựng mới có thời gian thu lãi đủ hoàn vốn từ 8 năm trở lên;

— Các công trình sản xuất, kinh doanh (được xây dựng mở rộng, cải tạo, khôi phục) có thời gian thu lãi đủ hoàn vốn từ 8 năm trở lên của các đơn vị kinh tế cơ sở đang hoạt động;

— Các công trình kinh tế kết hợp với quốc phòng;

— Các công trình đầu tư xây dựng mới thuộc kết cấu hạ tầng;

— Các công trình (không có tính chất sản xuất, kinh doanh) đầu tư xây dựng mới, mở rộng, cải tạo của các cơ quan hành chính, sự nghiệp;

— Các công trình phúc lợi, phục vụ công cộng;

— Các công trình nhà ở được xây dựng mới cho các khu dân cư.

**Điều 10.** — Các công trình sau đây được đầu tư bằng nguồn vốn tự có:

Các công trình sản xuất, kinh doanh đầu tư xây dựng, mở rộng, cải tạo, khôi phục có thời gian thu lãi đủ hoàn vốn dưới 8 năm và các công trình nhà ở, phúc lợi của các đơn vị kinh tế cơ sở đang hoạt động.

Đề đầu tư xây dựng các công trình nói trên, trước hết phải động viên tối đa nguồn vốn tự có về đầu tư xây dựng cơ bản của đơn vị để bảo đảm trường hợp nguồn vốn tự có không đủ thì được Ngân hàng đầu tư và xây dựng cho vay bổ sung.

**Điều 11.** — Các công trình sau đây được đầu tư bằng nguồn vốn tín dụng đầu tư:

— Các công trình sản xuất, kinh doanh được xây dựng mới có thời gian thu lãi đủ hoàn vốn dưới 8 năm.

— Các công trình thuộc diện đầu tư bằng nguồn vốn tự có, nhưng nguồn vốn tự có của đơn vị không đáp ứng đủ.

**Điều 12.** — Chủ đầu tư và đơn vị lập luận chứng kinh tế — kỹ thuật của công trình, phải căn cứ vào những quy định trên đây để xác định nguồn bảo đảm vốn đầu tư cho công trình để ghi vào luận chứng kinh tế — kỹ thuật, trình cấp có thẩm quyền phê duyệt.

**Điều 13.** — Các công việc của giai đoạn chuẩn bị đầu tư chỉ được tiến hành và được cấp vốn đầu tư khi công tác chuẩn bị đầu tư của công trình có trong kế hoạch chuẩn bị đầu tư hàng năm được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

### III. LẬP KẾ HOẠCH VÀ CẤP PHÁT VỐN CHUẨN BỊ ĐẦU TƯ

**Điều 14.** — Hàng năm đồng thời với việc lập kế hoạch vốn đầu tư (nói ở phần V dưới đây), căn cứ vào kế hoạch chuẩn bị đầu tư được phê duyệt:

— Các Bộ, Ủy ban Nhà nước, cơ quan trực thuộc Hội đồng Bộ trưởng lập kế hoạch cấp phát vốn chuẩn bị đầu tư cho từng công trình do đơn vị mình quản lý và gửi cho Bộ Tài chính.

— Các sở chủ quản, Ủy ban Nhân dân các huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh lập kế hoạch cấp phát vốn chuẩn bị đầu tư cho từng công trình do đơn vị mình quản lý và gửi cho Sở Tài chính.

Riêng các công trình chuẩn bị đầu tư do địa phương quản lý nhưng thuộc nguồn tập trung do ngân sách Trung ương bảo đảm thì Sở Tài chính các tỉnh, thành phố, đặc khu có trách nhiệm tổng hợp kế hoạch cấp phát vốn chuẩn bị đầu tư gửi Bộ Tài chính để làm căn cứ bố trí kế hoạch cấp phát vốn đầu tư tập trung của ngân sách Trung ương cho ngân sách địa phương.

**Điều 15.** — Kế hoạch cấp phát vốn chuẩn bị đầu tư (nói tại điều 14) được lập cho từng công trình và phải phản ánh đầy đủ các nội dung tổng chi phí chuẩn bị đầu tư, thời gian tiến hành công tác chuẩn bị đầu tư và dự toán chi phí trong từng năm kế hoạch (theo biểu số 4-CBĐT) (1).

**Điều 16.** — Cơ quan tài chính các cấp có trách nhiệm xét duyệt và thông báo kế hoạch cấp phát vốn chuẩn bị đầu tư cho các cơ quan chủ quản đồng cấp (theo biểu số 5-TB/KHĐT kèm theo chế độ này) cùng một lúc với việc thông báo kế hoạch cấp

phát vốn đầu tư, các cơ quan chủ quản duyệt và thông báo kế hoạch vốn chuẩn bị đầu tư của từng công trình cho các chủ đầu tư, đồng gửi cho Ngân hàng nơi chủ đầu tư mở tài khoản để làm căn cứ cấp vốn thanh toán.

**Điều 17.** — Căn cứ vào kế hoạch vốn chuẩn bị đầu tư đã thông báo cho các cơ quan chủ quản, theo định kỳ hàng quý cơ quan tài chính cấp vốn chuẩn bị đầu tư cho chủ đầu tư qua Ngân hàng đầu tư và xây dựng đồng cấp.

Ngân hàng đầu tư và xây dựng có trách nhiệm thay mặt cơ quan tài chính cấp vốn thanh toán khối lượng công việc chuẩn bị đầu tư cho các chủ đầu tư kịp thời theo từng khoản mục chi phí chuẩn bị đầu tư tính theo chế độ Nhà nước quy định và theo đúng tiến độ hoàn thành các công việc chuẩn bị đầu tư, trong phạm vi kế hoạch cấp phát vốn chuẩn bị đầu tư của từng công trình đã được Bộ Tài chính thông báo.

**Điều 18.** — Vốn các công trình chuẩn bị đầu tư của các tổ chức sản xuất kinh doanh được bảo đảm bằng nguồn vốn tự có về đầu tư xây dựng cơ bản của đơn vị.

**Điều 19.** — Khi công tác chuẩn bị đầu tư kết thúc, cơ quan chủ quản có trách nhiệm cùng với cơ quan tài chính đồng cấp và cơ quan ngân hàng đầu tư và xây dựng trực tiếp cấp phát vốn thống nhất ý kiến để phê duyệt quyết toán số vốn chuẩn bị đầu tư đã cấp phát cho công trình.

Khi luận chứng kinh tế — kỹ thuật được duyệt và công trình được ghi vào kế hoạch đầu tư xây dựng cơ bản thì số vốn

(1) Không in các mẫu biểu.

chuẩn bị đầu tư đã được cấp phát sẽ được xử lý như sau: Nếu công trình thuộc diện Ngân sách đầu tư thì số vốn cấp phát được tính chuyển vào giá trị công trình; Nếu công trình thuộc diện tín dụng đầu tư thì chủ đầu tư được Ngân hàng đầu tư và xây dựng cho vay để nộp hoàn trả ngân sách Nhà nước.

Trường hợp luận chứng kinh tế — kỹ thuật của công trình không được phê duyệt thì cơ quan chủ quản báo cáo Nhà nước đề xin duyệt bỏ số vốn đã cấp phát cho công tác chuẩn bị đầu tư.

#### IV. TIÊU CHUẨN SẢN PHẨM XÂY DỰNG CƠ BẢN HOÀN THÀNH ĐƯỢC CẤP PHÁT HOẶC CHO VAY VỐN ĐẦU TƯ

**A. Tiêu chuẩn sản phẩm xây lắp hoàn thành được cấp phát hoặc cho vay vốn đầu tư.**

Điều 20. — Các khối lượng thi công xây lắp đã hoàn thành đạt các tiêu chuẩn quy định trong mục 1, phần II của Thông tư số 2-TCTK/XDCB ngày 15-12-1985 của Tổng cục Thống kê và đã nghiệm thu bàn giao theo quy định thì được cấp phát hoặc cho vay vốn đầu tư.

**B. Quy định việc cấp phát hoặc cho vay vốn đầu tư đối với máy móc, thiết bị công trình.**

Điều 21. — Các máy móc, thiết bị cần lắp và không cần lắp có trong danh mục đầu tư của công trình sẽ được cấp phát

hoặc cho vay vốn đầu tư khi chủ đầu tư (hoặc một tổ chức khác được chủ đầu tư ủy quyền) nhận hàng có hợp đồng mua, bán, gia công thiết bị, giấy báo nhận hàng và phiếu báo giá của bên bán.

Số vốn được ngân sách cấp phát hoặc Ngân hàng cho vay tính cho mỗi lần nhận hàng theo số lượng và giá mua ghi trên phiếu báo giá.

Điều 22. — Mỗi lần thực hiện xong các công việc vận chuyển, bốc dỡ, bảo quản (đúng theo hợp đồng đã ký kết giữa chủ đầu tư và các tổ chức có liên quan) thì tổng số chi phí của từng lần, tính theo chế độ Nhà nước quy định được ngân sách cấp phát hoặc Ngân hàng cho vay vốn đầu tư.

Điều 23. — Mỗi lần thực hiện xong các công việc gia công thiết bị theo quy trình kỹ thuật (nếu có) đúng theo hợp đồng đã ký kết giữa chủ đầu tư và các tổ chức có liên quan, thì khoản chi phí gia công thiết bị của từng lần tính theo chế độ Nhà nước quy định được ngân sách cấp phát hoặc Ngân hàng cho vay.

**C. Quy định việc cấp phát hoặc cho vay các khoản chi phí kiến thiết cơ bản khác.**

Điều 24. — Công tác chuẩn bị đầu tư hoàn thành được cấp phát vốn đầu tư như quy định trong phần III của chế độ này.

Điều 25. — Chi phí cho công tác thiết kế được ngân sách cấp phát hoặc Ngân hàng cho vay vốn đầu tư theo tổng dự toán chi phí thiết kế và theo tiến độ hoàn thành các công việc thiết kế và kế hoạch

www.ThuVienPhapLuat.com  
Tel: +84-8-3845 6684 \* 9963934  
LAWSON

hợp đồng thanh toán tiền thiết kế phí giữa chủ đầu tư với các tổ chức thiết kế phù hợp với điều lệ thiết kế hiện hành.

**Điều 26.** — Chi phí lán trại tạm thời loại lớn (2,8%) được cấp phát hoặc cho vay vốn đầu tư theo dự toán và hợp đồng sử dụng vốn lán trại giữa chủ đầu tư và các tổ chức nhận thầu thi công xây lắp công trình.

**Điều 27.** — Các công việc kiến thiết cơ bản khác có tính chất xây lắp và các công trình phụ trợ (nếu có) được áp dụng cấp phát hoặc cho vay vốn đầu tư như đối với sản phẩm xây lắp.

**Điều 28.** — Mỗi lần hoàn thành công việc đền bù gọn và giải phóng mặt bằng thì tổng chi phí của lần do tính theo đơn giá quy định của Nhà nước, được cấp phát hoặc cho vay vốn đầu tư.

**Điều 29.** — Các khoản chi phí kiến thiết cơ bản khác còn lại ngoài quy định ở các điều từ 24 đến 28 trên đây, được cấp phát hoặc cho vay vốn đầu tư theo dự toán chi phí và kế hoạch đầu tư được duyệt.

## V. LẬP VÀ XÉT DUYỆT KẾ HOẠCH CẤP PHÁT HOẶC CHO VAY VỐN ĐẦU TƯ

**A. Nội dung và căn cứ lập kế hoạch cấp phát hoặc cho vay vốn đầu tư:**

**Điều 30.** — Kế hoạch cấp phát hoặc cho vay vốn đầu tư hàng năm do các đơn vị lập phải phản ánh đầy đủ nội dung:

— Giá trị sản phẩm xây dựng cơ bản hoàn thành (bao gồm xây lắp, thiết bị, kiến thiết cơ bản khác) trong kế hoạch

tính đến cuối năm báo cáo chưa được ngân sách cấp phát hoặc Ngân hàng cho vay vốn đầu tư.

— Giá trị sản phẩm xây dựng cơ bản hoàn thành (bao gồm xây lắp, thiết bị, kiến thiết cơ bản khác) trong năm kế hoạch đủ tiêu chuẩn để ngân sách cấp phát hoặc Ngân hàng cho vay vốn đầu tư.

— Giá trị sản phẩm xây dựng cơ bản hoàn thành (bao gồm xây lắp, thiết bị, kiến thiết cơ bản khác) của năm kế hoạch nhưng phải chuyển sang năm sau để ngân sách cấp phát hoặc Ngân hàng cho vay vốn đầu tư.

— Tổng số vốn đề ngân sách cấp phát hoặc Ngân hàng cho vay vốn đầu tư trong năm kế hoạch, được phân chia theo các tháng phù hợp với từng thời điểm có sản phẩm xây dựng cơ bản hoàn thành thành toán.

**Điều 31.** — Các căn cứ chủ yếu để lập kế hoạch cấp phát hoặc cho vay vốn đầu tư:

— Tổng mức vốn đầu tư được duyệt và tổng tiến độ thực hiện đầu tư của từng công trình, hạng mục công trình.

— Kết quả đầu tư được tích lũy kể từ khởi công đến cuối năm báo cáo của từng công trình hoặc hạng mục công trình.

— Kế hoạch đầu tư xây dựng cơ bản được duyệt, các mục tiêu phải hoàn thành trong năm kế hoạch.

— Các hợp đồng mua sắm máy móc, thiết bị (bao gồm thiết bị nhập khẩu và sản xuất trong nước); dự kiến máy móc thiết bị nhận về trong năm kế hoạch theo các hợp đồng đã ký kết.

**B. Trình tự lập, xét duyệt kế hoạch cấp phát hoặc cho vay vốn đầu tư hàng năm:**

1. Đối với công trình do các Bộ, Ủy ban Nhà nước và các cơ quan khác thuộc Hội đồng Bộ trưởng (sau đây gọi tắt là các Bộ) quản lý.

Điều 32. — Hàng năm, đồng thời với việc lập kế hoạch đầu tư xây dựng cơ bản, các chủ đầu tư lập kế hoạch cấp phát hoặc cho vay vốn đầu tư từng công trình (biểu số 1A-KH/ĐT và biểu số 1B-BC/ĐT kèm theo chế độ này) gửi Bộ chủ quản và đồng gửi cho cơ quan Ngân hàng đầu tư và xây dựng nơi chủ đầu tư mở tài khoản.

Điều 33. — Các Bộ có trách nhiệm xem xét và tổng hợp kế hoạch cấp phát hoặc cho vay vốn đầu tư các công trình do Bộ quản lý (biểu số 2A-KH/ĐT và 2B-BC/ĐT kèm theo chế độ này) gửi Bộ Tài chính và Ngân hàng đầu tư và xây dựng Việt Nam, cùng một lúc với việc bảo vệ kế hoạch đầu tư xây dựng cơ bản với Ủy ban Kế hoạch Nhà nước.

Điều 34. — Khi kế hoạch đầu tư xây dựng cơ bản được Hội đồng Bộ trưởng phê duyệt, các Bộ tính toán, xác định lại kế hoạch ngân sách cấp phát hoặc Ngân hàng cho vay vốn đầu tư (theo biểu số 2A-KH/ĐT) gửi và bảo vệ kế hoạch với Bộ Tài chính và Ngân hàng đầu tư và xây dựng Việt Nam.

Điều 35. — Căn cứ vào kế hoạch đầu tư xây dựng cơ bản được duyệt và kế hoạch cấp phát hoặc cho vay vốn đầu tư do các Bộ lập:

— Bộ Tài chính cân đối, tổng hợp, duyệt và thông báo kế hoạch cấp phát vốn đầu tư (đối với công trình do Ngân sách đầu tư) cho Bộ chủ quản theo từng công trình (theo biểu số 6-TB/KHĐT), đồng thời căn cứ vào kế hoạch đã thông báo nói trên thực hiện việc cấp vốn đầu tư theo kế hoạch cấp phát vốn đầu tư của từng công trình qua Ngân hàng đầu tư và xây dựng để Ngân hàng đầu tư và xây dựng cấp vốn thanh toán theo kế hoạch cấp phát của Bộ Tài chính và theo chế độ quy định thống nhất của Nhà nước.

— Ngân hàng đầu tư và xây dựng Việt Nam xem xét, tổng hợp, duyệt và thông báo kế hoạch cho vay vốn đầu tư (đối với công trình tín dụng đầu tư) cho Bộ chủ quản theo từng công trình.

Điều 36. — Căn cứ vào kế hoạch nói tại điều 35 đã được thông báo, Bộ chủ quản thông báo kế hoạch ngân sách cấp phát hoặc ngân hàng cho vay vốn đầu tư cho các chủ đầu tư theo danh mục từng công trình và đồng gửi cho Ngân hàng nơi chủ đầu tư mở tài khoản để làm căn cứ cấp vốn thanh toán hoặc cho vay vốn đầu tư.

2. Đối với công trình do các tỉnh, thành phố, đặc khu trực thuộc Trung ương quản lý (sau đây gọi chung là các tỉnh).

Điều 37. — Hàng năm đồng thời với việc lập kế hoạch đầu tư xây dựng cơ bản, các chủ đầu tư lập kế hoạch ngân sách cấp phát hoặc Ngân hàng cho vay vốn đầu tư của từng công trình (theo biểu số 1A-KH/ĐT và 1B-KH/ĐT) gửi:

— Ủy ban Nhân dân thành phố, quận, huyện, thị xã thuộc tỉnh (sau đây gọi chung là huyện) nếu công trình đó do huyện quản lý.



— Các Sở chủ quản nếu công trình đó do Sở quản lý.

— Ngân hàng nơi chủ đầu tư mở tài khoản.

**Điều 38.** — Các Sở chủ quản, Ủy ban Nhân dân các huyện có trách nhiệm xem xét, tổng hợp lập kế hoạch ngân sách cấp phát hoặc Ngân hàng cho vay vốn đầu tư (theo biểu số 2A-KH/ĐT và 2B-BC/ĐT) gửi Sở Tài chính và Ngân hàng đầu tư và xây dựng tỉnh.

**Điều 39.** — Căn cứ vào kế hoạch nói tại điều 38 của các Sở và Ủy ban Nhân dân các huyện:

— Sở Tài chính có trách nhiệm xem xét, tổng hợp kế hoạch ngân sách cấp phát vốn đầu tư các công trình do tỉnh quản lý (theo biểu số 3A-KH/ĐT và 3B-BC/ĐT) trình Ủy ban Nhân dân tỉnh đề gửi cho Bộ Tài chính.

— Ngân hàng đầu tư và xây dựng tỉnh có trách nhiệm xem xét, tổng hợp kế hoạch cho vay vốn đầu tư (các công trình thuộc diện tín dụng đầu tư do tỉnh quản lý (theo biểu số 3A-KH/ĐT và 3B-BC/ĐT) trình Ủy ban Nhân dân tỉnh đề gửi Ngân hàng đầu tư và xây dựng Việt Nam theo hướng dẫn của Ngân hàng đầu tư và xây dựng Việt Nam.

**Điều 40.** — Khi kế hoạch đầu tư xây dựng cơ bản được Hội đồng Bộ trưởng và Ủy ban Nhân dân tỉnh phê duyệt, Sở Tài chính và Ngân hàng đầu tư và xây dựng tỉnh cùng với các Sở chủ quản và Ủy ban Nhân dân các huyện tính toán, xác định lại kế hoạch ngân sách cấp phát và Ngân hàng cho vay vốn đầu tư (nói tại điều 39) (theo biểu số 3A-KH/ĐT) trình Ủy ban Nhân dân tỉnh đề gửi và bảo vệ kế hoạch với Bộ Tài chính và Ngân hàng đầu tư và xây dựng Việt Nam.

**Điều 41.** — Sau khi xem xét, tổng hợp và cân đối kế hoạch ngân sách cấp phát hoặc Ngân hàng cho vay vốn đầu tư do các tỉnh lập trên cơ sở kế hoạch đầu tư xây dựng cơ bản đã được duyệt của các tỉnh, Bộ Tài chính duyệt và thông báo kế hoạch cấp phát vốn đầu tư (đối với công trình ngân sách đầu tư) bao gồm cả công trình đầu tư bằng nguồn vốn tập trung của Ngân sách trung ương và công trình đầu tư bằng nguồn vốn do ngân sách địa phương bố trí (theo biểu số 7-TB/KHĐT) Ngân hàng đầu tư và xây dựng Việt Nam duyệt và thông báo kế hoạch cho vay vốn đầu tư (đối với công trình tín dụng đầu tư do tỉnh quản lý) cho Ủy ban Nhân dân các tỉnh.

**Điều 42.** — Căn cứ vào kế hoạch đã được thông báo nói tại điều 41:

— Sở Tài chính thông báo kế hoạch cấp phát vốn đầu tư (đối với công trình ngân sách đầu tư) cho các Sở chủ quản và Ủy ban Nhân dân các huyện.

— Ngân hàng đầu tư và xây dựng tỉnh thông báo kế hoạch cho vay vốn đầu tư (đối với công trình tín dụng đầu tư) cho các Sở chủ quản và Ủy ban Nhân dân các huyện.

**Điều 43.** — Căn cứ vào kế hoạch đã được thông báo nói tại điều 42, các Sở chủ quản, Ủy ban Nhân dân các huyện duyệt và thông báo kế hoạch cấp phát hoặc cho vay vốn đầu tư cho các chủ đầu tư theo từng công trình, đồng gửi Ngân hàng nơi chủ đầu tư mở tài khoản đề làm căn cứ cấp vốn hoặc cho vay vốn đầu tư.

3. Một số quy định về việc điều chỉnh kế hoạch.

**Điều 44.** — Trong năm kế hoạch nếu cấp có thẩm quyền quyết định điều chỉnh

www.TrieuVietPhapLuat.com  
 09539334  
 Tel: 84-6-3845 6684  
 LawSoft

kế hoạch đầu tư xây dựng cơ bản thì các Bộ, Sở Tài chính các tỉnh có trách nhiệm tính toán lại kế hoạch ngân sách cấp phát hoặc ngân hàng cho vay vốn đầu tư (phần tăng, giảm) với Bộ Tài chính và Ngân hàng đầu tư và xây dựng Việt Nam.

**Điều 45.** — Căn cứ vào kế hoạch ngân sách cấp phát vốn đầu tư được thông báo từ đầu năm và kế hoạch điều chỉnh trong năm (nếu có), căn cứ vào tình hình thực hiện tiến độ đầu tư có sự biến động tăng hoặc giảm (trong phạm vi kế hoạch) giữa các công trình.

Các Sở chủ quản, Ủy ban Nhân dân các huyện làm việc với Sở Tài chính tỉnh, các Bộ làm việc với Bộ Tài chính để kịp thời điều chỉnh kế hoạch cấp vốn sang Ngân hàng đầu tư và xây dựng đồng cấp giữa các lần trong năm.

## VI. BẢO ĐẢM NGUỒN VỐN CẤP PHÁT VÀ CHO VAY VỐN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG CƠ BẢN

**Điều 46.** — Trên cơ sở kế hoạch ngân sách cấp phát hoặc Ngân hàng cho vay vốn đầu tư được duyệt đối với từng công trình. Cơ quan Tài chính, Ngân hàng các cấp có trách nhiệm tính toán, huy động đầy đủ, sẵn sàng các nguồn vốn (ngân sách, tín dụng) và tổ chức phân phối kịp thời tới các ngân hàng cơ sở để bảo đảm sẵn sàng thực hiện cấp vốn hoặc cho vay thanh toán khi có sản phẩm xây dựng cơ bản hoàn thành của các công trình.

**Điều 47.** — Các đơn vị có nguồn vốn tự có đầu tư xây dựng cơ bản hàng năm phải tính toán trích đủ, đúng, kịp thời từ các quỹ theo đúng chế độ của Nhà nước và gửi toàn bộ số vốn đó vào tài khoản

mở tại Ngân hàng đầu tư và xây dựng để bảo đảm nguồn vốn cấp phát cho công trình đầu tư bằng vốn tự có theo kế hoạch được duyệt.

**Điều 48.** — Cơ quan Tài chính các cấp (Bộ Tài chính, Sở Tài chính) phải cấp vốn ngân sách đầy đủ, kịp thời theo kế hoạch cấp phát vốn đầu tư đã thông báo cho các cơ quan chủ quản đối với các công trình do ngân sách đầu tư sang Ngân hàng đầu tư và xây dựng đồng cấp, bảo đảm nguồn vốn cho Ngân hàng đầu tư và xây dựng thay mặt cơ quan tài chính cấp vốn thanh toán khi có sản phẩm xây dựng cơ bản hoàn thành công trình.

**Điều 49.** — Việc cấp vốn của cơ quan tài chính các cấp sang Ngân hàng đầu tư và xây dựng (nói tại điều 48) được thực hiện từng lần theo kế hoạch cấp phát vốn của từng công trình theo định kỳ hàng tháng trong năm căn cứ vào kế hoạch cấp phát vốn đầu tư của từng công trình và yêu cầu điều chỉnh kế hoạch cấp phát vốn đầu tư (nếu có) của các cơ quan chủ quản (nói tại điều 45).

Số vốn của mỗi lần chuyển bằng tổng giá trị sản phẩm xây dựng cơ bản hoàn thành trong từng thời kỳ đó.

**Điều 50.** — Nguồn vốn cho vay các công trình trong kế hoạch được duyệt thuộc diện tín dụng đầu tư (bao gồm cả công trình Trung ương và địa phương quản lý) do Ngân hàng đầu tư và xây dựng bảo đảm.

— Trường hợp Ngân hàng đầu tư và xây dựng đã huy động tối đa các nguồn vốn (như đã nêu trong điều 7) mà vẫn không đáp ứng đủ nhu cầu tín dụng đầu tư của các công trình trong kế hoạch được duyệt theo chế độ Nhà nước quy định, thì phần

còn thiếu được Bộ Tài chính cân đối vào Ngân sách Trung ương và cấp vốn cho Ngân hàng đầu tư và xây dựng Việt Nam để bổ sung nguồn vốn tín dụng đầu tư.

— Trường hợp các nguồn vốn tín dụng của Ngân hàng đầu tư và xây dựng huy động được nhiều hơn nhu cầu cho vay vốn đầu tư, thì Ngân hàng đầu tư và xây dựng phải nộp lại Ngân sách Trung ương phần chênh lệch thừa.

## VII. CẤP PHÁT VÀ CHO VAY VỐN ĐẦU TƯ

**Điều 51.** — Các công trình xây dựng cơ bản chỉ được cấp phát hoặc cho vay vốn đầu tư khi có sản phẩm xây dựng cơ bản hoàn thành đủ tiêu chuẩn quy định nói ở phần IV trên đây.

**Điều 52.** — Đối với những công trình được đầu tư bằng nguồn vốn Ngân sách Nhà nước thì cơ quan tài chính các cấp thực hiện việc cấp vốn theo kế hoạch của từng công trình đề Ngân hàng đầu tư và xây dựng Việt Nam, thay mặt cơ quan tài chính cấp vốn thanh toán khi có sản phẩm xây dựng cơ bản hoàn thành. Đối với công trình được đầu tư bằng nguồn vốn tín dụng do Ngân hàng đầu tư và xây dựng Việt Nam thực hiện cho vay vốn đầu tư khi có sản phẩm xây dựng cơ bản hoàn thành. Đối với công trình đầu tư bằng nguồn vốn tự có thì các chủ đầu tư quyết định việc cấp phát vốn đầu tư và thực hiện thanh toán qua Ngân hàng khi có sản phẩm xây dựng cơ bản hoàn thành.

**Điều 53.** — Các chủ đầu tư là người được nhận vốn cấp phát hoặc cho vay khi các công trình có sản phẩm xây dựng cơ bản hoàn thành. Đề được cấp

phát hoặc vay vốn đầu tư, các chủ đầu tư có trách nhiệm thực hiện đầy đủ những căn cứ cấp phát và cho vay thanh toán đã quy định thống nhất trong chế độ này. Các Ngân hàng cơ sở trực tiếp thực hiện việc cấp phát hoặc cho vay vốn đầu tư phải kiểm tra các căn cứ cấp phát hoặc cho vay, bảo đảm số vốn cấp ra phù hợp với giá trị sản phẩm xây dựng cơ bản hoàn thành, trong phạm vi dự toán, kế hoạch đầu tư xây dựng cơ bản, kế hoạch ngân sách cấp phát hoặc Ngân hàng cho vay vốn đầu tư của công trình đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt và thông báo cho chủ đầu tư.

**Điều 54.** — Ngân hàng đầu tư và xây dựng chịu trách nhiệm về việc sử dụng đúng mục đích, theo kế hoạch nguồn vốn cấp phát của Ngân sách Nhà nước đã được cơ quan tài chính các cấp chuyển trong năm (đối với công trình thuộc diện ngân sách đầu tư); nguồn vốn cho vay đã huy động và nguồn vốn tự có của các đơn vị kinh tế cơ sở. Ngân hàng đầu tư và xây dựng các cấp có trách nhiệm tổ chức theo dõi, lũy kế số vốn đã cấp phát hoặc cho vay thanh toán đối với các công trình xây dựng cơ bản, định kỳ báo cáo tình hình sử dụng các nguồn vốn (cấp phát, cho vay, tự có) với cơ quan tài chính theo quy định thống nhất của Bộ Tài chính.

**Điều 55.** — Các chủ đầu tư có trách nhiệm tổ chức hạch toán kế toán đầy đủ, kịp thời chính xác tình hình sử dụng vốn đầu tư đã được Ngân sách cấp phát hoặc Ngân hàng cho vay. Định kỳ báo cáo tình hình sử dụng vốn với cơ quan chủ quản, cơ quan tài chính và Ngân hàng đầu tư và xây dựng, đồng thời tổ chức quyết toán toàn bộ vốn đã đầu tư của công trình khi

công trình hoàn thành theo quy định hiện hành của Nhà nước.

*Điều 56.* — Đối với thiết bị thi công đi kèm theo công trình thiết bị toàn bộ đều được chuyển thành vốn cấp phát đầu tư cho các đơn vị thi công xây lắp (theo giá trị thiết bị thi công của đơn vị xây lắp đã nhận) để giảm vốn đầu tư cho công trình.

Việc phân định sản phẩm thiết bị được cấp phát vốn đầu tư thực hiện như quy định trong các điều (23, 24, 25) của chế độ này.

*Điều 57.* — Đối với nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu, phụ tùng thay thế (dự trữ cho khâu sản xuất) của công trình thiết bị toàn bộ, được cấp phát vốn đầu tư cho chủ đầu tư theo từng lần nhận hàng (nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu, phụ tùng thay thế về kèm theo thiết bị nhập).

*Điều 58.* — Đối với vật tư, nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu dùng cho công tác xây lắp của công trình thiết bị toàn bộ, được cấp phát vốn đầu tư ứng trước cho các chủ đầu tư theo từng lần nhận hàng (vật tư, nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu và kèm theo thiết bị nhập) bằng hình thức ghi thu, ghi chi qua Ngân sách Nhà nước.

Số vốn đã cấp phát ứng trước cho từng lần nhận hàng (vật tư, nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu) về kèm theo thiết bị nhập nói trên sẽ khấu trừ dần vào từng lần cấp phát vốn thanh toán sản phẩm xây lắp hoàn thành.

Số tiền phải khấu trừ trong mỗi lần cấp phát sản phẩm xây lắp hoàn thành sẽ do Ngân hàng đầu tư xây dựng phối hợp với chủ đầu tư và các tổ chức thi công xây lắp tính toán và xác định, bảo

đảm số tiền khấu trừ này tương ứng với giá trị vật tư, nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu nhập ngoại cấu thành trong sản phẩm xây lắp hoàn thành được cấp phát.

*Điều 59.* — Chủ đầu tư các công trình thiết bị toàn bộ có trách nhiệm theo dõi đầy đủ, kịp thời (mỗi khi có giấy báo của cơ quan ngoại thương) các thiết bị, vật tư, nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu nhập về nước, đồng thời cùng với cơ quan ngoại thương phân tích cụ thể (trong tổng số hàng đã về nói trên) ra 4 loại là thiết bị cần lắp và không cần lắp của công trình thiết bị thi công; vật tư; nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu dùng cho công tác xây lắp công trình; nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu, phụ tùng thay thế dự trữ cho sản xuất sau khi công trình hoàn thành.

Đối với những vật tư, nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu dùng cho công tác xây lắp của công trình, chủ đầu tư có trách nhiệm mở sổ theo dõi riêng một cách chính xác và đầy đủ số đã nhận và số giao cho từng tổ chức thi công xây lắp, để làm cơ sở cho việc khấu trừ vào giá trị sản phẩm xây lắp hoàn thành được cấp phát; Ngân hàng đầu tư và xây dựng cơ bản có trách nhiệm kiểm tra và thực hiện việc thay cơ quan tài chính khấu trừ vào số vốn phải cấp phát cho sản phẩm xây lắp hoàn thành theo quy định tại điều 58 của chế độ này.

#### VIII. CÔNG TÁC KIỂM TRA VIỆC THỰC HIỆN CHẾ ĐỘ QUẢN LÝ VỐN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG CƠ BẢN

*Điều 60.* — Các cơ quan chủ quản đầu tư có trách nhiệm kiểm tra thường xuyên

tình hình thực hiện kế hoạch đầu tư xây dựng cơ bản về việc sử dụng vốn cấp phát hoặc cho vay của các chủ đầu tư, kịp thời xử lý các trường hợp sử dụng vốn cấp phát hoặc cho vay sai chính sách chế độ. Đồng thời phối hợp với các cơ quan cấp vốn giải quyết kịp thời những vướng mắc của đơn vị kinh tế cơ sở.

Điều 61. — Cơ quan tài chính có trách nhiệm hướng dẫn, kiểm tra các đơn vị lập kế hoạch ngân sách cấp phát hoặc ngân hàng cho vay vốn đầu tư, thường xuyên kiểm tra tình hình thực hiện kế hoạch cấp phát hoặc cho vay vốn đầu tư đối với các chủ đầu tư và Ngân hàng đầu tư và xây dựng. Nếu phát hiện các trường hợp cấp phát hoặc cho vay và sử dụng vốn đầu tư sai chế độ, Bộ trưởng Bộ Tài chính và Giám đốc Sở Tài chính các tỉnh (đối với các công trình địa phương) có quyền thu hồi số vốn đã cấp phát, cho vay hoặc tạm ngừng việc chuyển cấp vốn đầu tư. Mặt khác, cơ quan tài chính có trách nhiệm phối hợp với các cơ quan hữu quan đề kịp thời giải quyết những vướng mắc phát sinh trong quá trình thực hiện đầu tư cho các công trình.

Điều 62. — Ngân hàng đầu tư và xây dựng Việt Nam có trách nhiệm thực hiện kế hoạch ngân sách cấp phát hoặc ngân hàng cho vay vốn đầu tư của các chủ đầu tư; cơ quan chủ quản đầu tư kiểm tra các hoạt động về xây dựng cơ bản của chủ đầu tư và tổ chức thi công xây lắp. Trong quá trình kiểm tra, nếu phát hiện những việc sử dụng vốn đầu tư sai chế độ có quyền thu hồi hoặc ngừng cấp phát, hoặc cho vay vốn đầu tư.

## IX. ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 63. — Chế độ quản lý vốn đầu tư này được thực hiện từ ngày 1 tháng 4 năm 1987 và áp dụng thống nhất đối với tất cả các công trình đầu tư của Nhà nước quản lý. Những chế độ quy định trước đây về quản lý vốn đầu tư trái với chế độ này đều bãi bỏ.

Điều 64. — Bộ Tài chính sẽ có hướng dẫn cụ thể riêng về việc chuyển cấp vốn giữa Ngân sách Trung ương với Ngân sách địa phương đối với các công trình kinh tế văn hóa địa phương quản lý, được đầu tư bằng nguồn vốn tập trung của Ngân sách Trung ương; việc chuyển vốn cấp phát (đối với công trình Ngân sách đầu tư) giữa cơ quan tài chính với Ngân hàng đầu tư và xây dựng đồng cấp; việc cấp vốn cho Ngân hàng đầu tư và xây dựng Việt Nam để bổ sung nguồn vốn tín dụng đầu tư. Đồng thời thống nhất với Ngân hàng Nhà nước Việt Nam hướng dẫn việc xử lý những vấn đề liên quan tới chế độ hiện hành về cấp phát, cho vay, thanh toán trong đầu tư xây dựng cơ bản.

Điều 65. — Trong quá trình thực hiện nếu có gì vướng mắc, các Bộ, Ủy ban Nhà nước, các cơ quan khác thuộc Hội đồng Bộ trưởng, Ủy ban Nhân dân các tỉnh, thành phố, đặc khu và các đơn vị cơ sở cần phản ánh kịp thời với Bộ Tài chính để nghiên cứu giải quyết.

K.T. Bộ trưởng Bộ Tài chính

Thứ trưởng

HỒ TẾ